TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN CHỦNG HẢI QUÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày 23/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN CHỦNG HẢI QUÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: 2// Phạm Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Đinh Văn Tứ;

1// Cao Tiến Dũng.

- Thư ký phiên toà*:* 2/ Phạm Cao Sơn - Thư ký Tòa án quân sự khu vực Quân chủng Hải quân.

- ***Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 2 Quân chủng Hải quân tham gia phiên toà:*** 2// Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xử án, Tòa án quân sự khu vực Quân khu 9, Tòa án quân sự khu vực Quân chủng Hải quân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh C, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984, tại Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Số định danh cá nhân: 060084006550; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 2; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N; vợ và con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Ngày 17/6/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 năm tù về tội "Cướp tài sản"; 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", 02 năm tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản", 02 năm tù về tội "Chống người thi hành công vụ", tổng hợp hình phạt 16 năm tù. Ngày 06/6/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình tỉnh Bình Thuận xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị bắt tạm giam từ ngày 15/5/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam H85 Quân khu K; có mặt.

2. Trần Như Đ, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1996, tại Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Số định danh cá nhân: 060096004969; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Lớp 10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Phước T1 và bà Trương Thị M; vợ và con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/5/2016 bị Tòa án tỉnh Bình Thuận xử phạt 30 tháng tù về tội "Cố ý gây

thương tích" và tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản"; bị bắt, tạm giam từ ngày 18/10/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam H85 Quân khu K; có mặt.

3. Nguyễn Thành N1, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2003, tại Quảng Nam, nơi cư trú: Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; CCCD số: 066203004979, cấp ngày 13/6/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Lớp 5; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành H và bà Nguyễn Thị Mỹ C1; vợ và con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; Bị bắt, tạm giam từ ngày 18/10/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam H85 Quân khu K; có mặt.

4. Trần Gia B, tên gọi khác: B gà tre; sinh ngày 16 tháng 11 năm 2004, tại Bình Thuận; nơi cư trú: Xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Số định danh cá nhân: 070204010275; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Lớp 8; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1 và bà Phạm Thị Thùy T2; vợ và con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; bị bắt, tạm giam từ ngày 18/10/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam H85 Quân khu K; có mặt.

5. Trần Thanh B1, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2004 tại Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận; CCCD số: 060204009658, cấp ngày 06/9/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Lớp 7; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D và bà Minh Thị T3; vợ và con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; bị bắt, tạm giam từ ngày 18/10/2024, hiện đang bị tam giam tại Trại tạm giam H85 Quân khu K; có mặt.

6. Trần Thanh T4, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2006 tại Bình Thuận, nơi cư trú: Thôn H xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận; CCCD số: 060206004170, cấp ngày 10/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Lớp 8; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D và bà Minh Thị T3; vợ và con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; Bị bắt, tạm giam từ ngày 18/10/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam H85 Quân khu K; có mặt.

7. Nguyễn Văn N2, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1996 tại Bình Thuận, nơi cư trú: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Số định danh cá nhân: 060096002526; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Lớp 8; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị H2; vợ và con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Ngày 06/6/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận tuyên phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Đang chấp hành án phạt tù, từ ngày 15/11/2023 tại Trại giam

Đ1- Bộ C2; hiện nay được trích xuất đến Trại Tạm giam H85 Quân khu K; có mặt.

8. Phan Nhật H3, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2005 tại Bình Thuận; nơi cư trú: K, Cục H7; Cấp bậc, chức vụ, đơn vị hiện nay: Binh nhì, chiến sỹ, Đội vệ binh, K858, Cục H7; CCCD số: 060205003457, cấp ngày 29/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; trình độ văn hóa: Lớp 8; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Hữu H4 và bà Ngô Thị Diệu H5; vợ và con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Mai T6, vắng mặt.

2. Mai K, vắng mặt.

3. Dương Văn T5; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh C có mâu thuẫn với anh em Mai S1, Mai T6 từ trước, nên khi C phát hiện thấy Mai S1 đang đạp xe đi trên đường, cách nhà C khoảng 500 mét, lúc này vào khoảng 15 giờ 00 ngày 16/8/2023, thì C đã đến đạp vào phía sau xe đạp của S1 làm cho S1 té xuống đường. Sau đó, C và S1 lao vào đánh nhau bằng tay không và được người dân can ngăn nên cả hai đi về nhà. Về đến nhà, C gọi điện thoại báo cho Trần Như Đ biết việc C bị S1 đánh và muốn Đ đánh S1 trả thù giúp C, Đ đồng ý về trả thù giúp C. Lúc C điện thoại thì Đ đang ngồi ăn nhậu với Phan Nhật H3, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh B1, Trần Gia B, Trần Thanh T4, Nguyễn Văn N2 tại khu vực H thuộc thôn T, xã S, B, tỉnh Bình Thuận. Nghe điện thoại của C xong, Đ nói với mọi người trong nhóm về việc C bị Mai S1 đánh nên nhờ cả nhóm đi đánh S1 trả thù giúp C, cả nhóm đều đồng ý. Sau đó, cả nhóm đã di chuyển đi đến nhà kho của C. Tại đây, Đ đã lấy 01 cây kiếm tự tạo đưa cho H3 cầm, N1 cầm 01 cây dao tự tạo, T4 cầm 01 chiếc rìu. Sau đó, N2 điều khiển xe mô tô BKS 86B2-694.47 chở Đ và H3; N1 điều khiển xe mô tô BKS 54U4-7806 chở Gia B; Thanh B1 điều khiển xe mô tô BKS 53X2-4410 chở T4, các bị cáo cầm theo các hung khí nêu trên cùng đi đến nhà S1. Khi nhóm của Đ đến nhà S1 thì C cũng vừa đi đến. Vừa xuống xe, Đ la lớn "thằng Lụm Súng đâu, ra tao chém chết mẹ mày" rồi đi đến chỗ H3 rút cây kiếm tự chế mà H3 đang cầm, chạy vào trong sân nhà của Mai S1. Thấy nhóm Đ đến Mai S1, Mai K chạy vào trong nhà, Mai T6 cầm 01 con dao đứng ở ngoài sân. Đ lớn tiếng chửi bới và dùng kiếm chém Mai T6 nhưng không trúng người, T6 cũng dùng dao đỡ lại, không ai bị thương. Thấy không thể đánh lại nhóm của Đ nên Mai T6 lùi vào bếp, Gia B đứng ở sân lớn tiếng chửi bới, nhặt hai cục đá ở phía trước sân ném T6 nhưng không trúng người T6. C lớn tiếng chửi bới và đến

lấy cây rìu từ tay T4 rồi cầm vào sân tiếp tục chửi bới anh em T6. N1 cầm dao tự tạo đứng trong sân, H3 cầm vỏ kiếm, N2, T4, Thanh B1 không cầm gì đứng ở khu vực phía sân và lề đường trước nhà S1, T6, sẵn sàng hỗ trợ cho cả nhóm để đánh anh em S1, T6, K. Sự việc diễn ra 10 phút thì được công an xã S phát hiện và đến giải quyết, nhóm Đ và C nhanh chóng rời khỏi hiện trường.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Như Đ, Trần Gia B, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh B1, Trần Thanh T4, Phan Nhật H3, Nguyễn Văn N2 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên. Các bị cáo đều xác nhận, hung khí của vụ án mà các bị cáo dùng trong vụ án là 01 cây kiếm tự tạo, có đặc điểm: Dài 97cm, lưỡi bằng kim loại dài 70cm, rộng 03cm, cán bọc bằng dây dù dài 27cm, rộng 04cm, vỏ kiếm bằng gỗ dài 74cm, rộng 05cm màu đen; 01 con dao tự tạo dài 48cm, có đặc điểm: Lưỡi bằng kim loại dài 33cm, rộng 06cm, cán dao bằng ống típ kim loại dài 15cm, đường kính 03cm; 01 chiếc rìu, có đặc điểm: Cán gỗ dài 44cm, lưỡi bằng kim loại dài 17cm, rộng 13cm. Bị cáo Trần Gia B khai nhận có nhặt cục đá ở sân nhà T6, có kích thước 16x10x5 cm để ném Mai T6 nhưng không trúng người mà trúng cửa bếp, rơi xuống nền nhà.

Bị cáo Nguyễn Minh C khai tại phiên tòa: Vào khoảng 15 giờ 00 ngày 16/8/2023, phát hiện thấy Mai S1 đạp xe gần nhà mình, C đã đạp vào xe của S1, rồi hai người đánh nhau bằng tay không, sau đó được mọi người can ngăn nên cả hai đã dừng lại và đi về nhà. Khi về đến nhà, bị cáo gọi điện thoại cho Đ kể việc bị cáo mới đánh lộn với thằng em của Mai T6. Nghe bị cáo nói vậy thì Đ nói lại: "Ừ, có gì lát nữa em về". Sau đó bị cáo tắm rửa và mượn xe mô tô BKS 86B2-662.10 của T4 đi đến Ủy ban nhân dân xã để giải quyết việc riêng. Trên đường từ Ủy ban nhân dân xã đi về bị cáo thấy Đ, N1 điều khiển xe mô tô cầm theo một số hung khí đến trước nhà của T6, nên bị cáo dừng lại nhà Mai T6 để xem, bị cáo thấy Đ cầm dao chạy vào hướng nhà của Mai T6. Một lúc sau, bị cáo thấy Công an xã đến nên bị cáo và nhóm người của Đ đều lên xe bỏ chạy.

Người làm chứng Mai K khai tại cơ quan điều tra: Vào khoảng hơn 17 giờ ngày 16/8/2023, tôi cùng với anh Mai S1, Mai T6 đang ở trong nhà thì tôi nghe tiếng la hét của một nhóm người phía trước nhà, tôi trong nhà đi ra trước cửa nhìn ra ngoài thấy Nguyễn Minh C, Trần Như Đ cùng khoảng 08 người đeo khẩu trang đến trước sân nhà tôi cầm theo hung khí la hét gọi tên anh tôi là Mai S1, tôi thấy có đông người nên lấy điện thoại ra quay nhưng quay được 05 giây rồi tôi chạy vào phòng ngủ trong nhà, anh T6 đứng cửa sau bên hông nhà, anh S1 đứng trong nhà cùng với tôi. Nhóm của C và Đ ném đá vào nhà tôi. Khi thấy anh T6 ở cửa bên hông bếp thì ùa vào đánh anh T6, nên anh T6 đóng cửa bếp để phòng thủ. Tôi thấy tình hình đông người đến nhà tôi la hét, cầm hung khí đòi đánh anh tôi nên tôi có gọi cho anh D1 là Công an xã S biết sự việc, sau đó lực lượng Công an đến nên các đối tượng này đã bỏ chạy.

Người làm chứng Mai T6 khai tại cơ quan điều tra: Vào khoảng hơn 17 giờ 00 ngày 16/8/2023, khi tôi đang ở nhà thì thấy có một số thanh niên khoảng 10 người cầm hung khí đến nhà tôi rượt đuổi đánh S1. Trong số thanh niên đó,

tôi biết có người tên Đ cầm cây kiếm nhật, C cầm một cây rìu, N1 cầm một cây hàng (dao), còn các đối tượng khác thì có người đứng không làm gì, có người thì cầm đá ném vào nhà tôi. Sau sự việc xảy ra, anh em tôi không bị thương tích hay thiệt hại gì cả, tôi không yêu cầu bồi thường gì.

Người làm chứng Dương Văn T5 khai tại cơ quan điều tra: Vào khoảng 17 giờ 00 ngày 16/8/2023 tôi đang ở nhà tôi, đối diện với chợ Chiều thuộc thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận thì tôi thấy có một nhóm khoảng 08, 09 người đi trên 04, 05 chiếc xe mô tô, trong nhóm người này tôi đều biết, đó là: Trần Như Đ, Nguyễn Minh C, Phan Nhật H3, Nguyễn Văn N2, Trần Gia B, Trần Thanh B1, Trần Thanh T4, Nguyễn Thành N1. Các đối tượng này cầm theo dao, kiếm đi từ hướng đường băng ngang qua đường tàu lửa, đến nhà Mai T6. Lúc đến nhà cả nhóm dừng xe lại và chửi bới, la hét gây náo loạn khu vực xung quanh. Tôi thấy Đ cầm kiếm, còn T6 cầm dao, hai bên đánh, chém nhau, nhưng không chém trúng người nên không ai bị thương tích gì. Tôi còn thấy C có khi cầm cây rìu, có khi cầm đá, các đối tượng còn lại có người cầm dao, người cầm đá, tất cả đều lao vào hướng nhà của anh T6. Khi các bên đang đánh nhau thì Công an xã S đến nên nhóm của anh Đ và anh C bỏ chạy.

Tại các văn bản số 140/BC-UBND ngày 20/10/2023 và số 215/BC-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận, báo cáo, đánh giá vụ việc, có nội dung: Sự việc gây rối trật tự công cộng tại nhà Mai T6 ngày 16/8/2023 đã gây tâm lý, hoang mang, lo sợ người dân sống xung quanh khu vực xảy ra vụ việc. Thời điểm vụ án xảy ra, cách hiện trường vụ án khoảng 10m, có lực lượng trinh sát Công an huyện B đang túc trực để chuẩn bị điều kiện cần thiết phục vụ cho việc cưỡng chế đối với hộ ông Nguyễn Văn Ú. Nhưng các đối tượng trong vụ án vẫn sử dụng hung khí nguy hiểm thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng tại nhà ông Mai T6. Địa điểm xảy ra vụ việc gây rối trật tự công cộng chỉ cách chợ chiều, khu dân cư thôn H, nhà ga sông L khoảng 30m nên người dân tập trung đông đúc. Xuất phát từ những vấn đề trên, cùng với việc nắm tình hình dư luận người dân sống xung quanh khu vực xảy ra vụ việc, UBND xã S đánh giá hành vi gây rối trật tự công cộng của nhóm đối tượng dùng hung khí nguy hiểm đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B lập hồi 08 giờ 00 ngày 18/8/2023, xác định: Hiện trường xảy ra tại nhà ông Mai T6 thuộc thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Đây là khu vực đông dân cư, xung quanh có rất nhiều nhà cửa của các hộ dân sống gần nhau. Phía Nam, Bắc, Tây tiếp giáp với nhà dân trong khu dân cư, phía Đông tiếp giáp đường liên thôn. Đo vuông góc từ góc nhà trước bên trái nhà ông T6 đến chợ chiều thôn H là 32m, đến cổng vào ga S là 54m, đến trường tiểu học S2 là 92m.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKS2 ngày 16 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát quân sự khu vực 2 Quân chủng Hải quân đã truy tố các bị cáo Nguyễn Minh C, Trần Như Đ, Trần Gia B, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh B1, Trần Thanh T4,

Phan Nhật H3, Nguyễn Văn N2 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung, quyết định truy tố đối với các bị cáo. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh C, Trần Như Đ, Trần Gia B, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh B1, Trần Thanh T4, Phan Nhật H3, Nguyễn Văn N2 phạm tội *"*Gây rối trật tự công cộng".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh C từ 42 tháng đến 48 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2025.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Như Đ từ 36 tháng đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2024.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Gia B từ 26 tháng đến 32 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2024.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N2 từ 24 tháng đến 30 tháng tù và tổng hợp bản án đang chấp hành.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N1 từ 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2024.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thanh B1 từ 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2024.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thanh T4 từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2024.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Nhật H3 từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 cục đá (kích thước: 16 x 10 x 5cm); 01 chiếc rìu (cán gỗ dài 44cm, lưỡi rìu bằng kim loại dài 17cm, rộng 13cm), 01 cây kiếm tự tạo (dài 97cm, lưỡi bằng kim loại dài 70cm, rộng 03cm, cán bọc bằng dây dù dài

27cm, rộng 04cm; vỏ kiếm (màu đen, bằng gỗ dài 74cm, rộng 05cm); 01 con dao tự tạo bằng kim loại (dài 48cm, lưỡi dao bằng sắt dài 33cm, rộng 06cm, cán dao bằng ống típ kim loại dài 15cm, đường kính 03cm).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Như Đ, Trần Gia B, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh B1, Trần Thanh T4, Phan Nhật H3, Nguyễn Văn N2 đồng ý với nội dung bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, không ai có ý kiến tranh luận gì.

Tranh luận với ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo Nguyễn Minh C cho rằng bị cáo chỉ thông báo cho Đ biết là mình vừa đánh nhau với Mai S1 chứ không bảo Đ đến giúp đánh anh em nhà Mai S1. Tại nhà của Mai S1, Mai T6, bị cáo không chỉ đạo, không tham gia đánh nhau mà chỉ đứng quan sát.

Đối đáp với ý kiến tranh luận của bị cáo C tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Tuy C không trực tiếp nhờ Đ về đánh anh em T6, S1, nhưng việc bị cáo C điện thoại thông báo cho Đ về việc C vừa đánh nhau với Mai S1 làm cho Đ hiểu và mặc nhiên tiếp nhận ý chí của bị cáo là về giúp bị cáo để đánh anh em T6, S1. Vì Đ đã biết, trước đó giữa bị cáo C và anh em T6, S1 đã có mâu thuẫn. Mặt khác, bị cáo C không trực tiếp nói nhờ Đ đánh anh em T6, S1 nhưng khi thấy Đ và nhóm anh em đến nhà T6, S1 để đánh nhau, C biết nhóm này không mâu thuẫn với anh em nhà T6, S1 nhưng cũng không can ngăn mà lại cùng với nhóm của Đ lớn tiếng chửi bới, cầm rìu đi vào sân nhà Mai S1, Mai T6 để tiếp tục chửi bới. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N1, bị cáo Đ và bị cáo H3 đều xác nhận: Tại nhà của T6, S1 chiều ngày 16/8/2023 bị cáo C đã lấy cây rìu bị cáo T4 đang cầm, đi vào trong sân lớn tiếng chửi bới anh em T6, S1.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Trần Như Đ, Trần Gia B, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh B1, Trần Thanh T4, Phan Nhật H3, Nguyễn Văn N2 thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Minh C xin lỗi các bị cáo và gia đình các bị cáo vì mình mà các bị cáo phải liên quan đến vụ việc này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 2 Quân chủng Hải quân, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự khu vực 2 Quân chủng Hải quân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra, các bị cáo Trần Như Đ, Trần Gia B, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh B1, Trần Thanh T4, Phan Nhật H3, Nguyễn Văn N2 khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Nguyễn Minh C khai nhận là khi gọi điện thoại cho Đ thì C chỉ thông báo cho Đ biết việc mình vừa đánh nhau với Mai S1, chứ không nhờ Đ về đánh trả thù Mai S1 giúp mình. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo khác, diễn biến vụ án và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, cho thấy: Mặc dù khi điện thoại cho Đ, bị cáo Nguyễn Minh C không trực tiếp nói nhờ Đ đánh anh em nhà Mai S1, Mai T6 để trả thù cho mình. Nhưng việc C biết rõ rằng Đ không mâu thuẫn gì với anh em nhà Mai S1, Mai T6 mà lại chủ động gọi điện thoại thông báo để Đ biết mình bị Mai S1 đánh là mong muốn Đ giúp mình đánh trả thù anh em nhà Mai S1, Mai T6. Đ tiếp nhận được ý chí này của C và đã trả lời C rằng: " Ừ, có gì lát nữa em về". C mong muốn Đ đánh anh em nhà Mai S1, Mai T6 để trả thù cho mình còn thể hiện ở việc C đã trực tiếp có mặt tại nhà Mai T6 khi nhóm của Đ đến nơi. C biết, những người nhóm của Đ khi đến nhà Mai S1, Mai T6 đều không có mâu thuẫn gì với anh em nhà Mai S1, Mai T6 nhưng C vẫn mặc nhiên cho nhóm Đ chửi bới, đánh nhau với anh em nhà Mai S1, Mai T6. Trong khi nhóm Đ đánh nhau với anh em nhà Mai T6 thì C cũng có hành vi lớn tiếng chửi bới, cầm rìu đi vào trong sân nhà anh em nhà Mai S1, Mai T6 và cùng với nhóm Đ lớn tiếng, chửi bới anh em nhà Mai S1, M. Những hành động này của C cho thấy C mong muốn Đ và nhóm bạn của Đ giúp mình đánh nhau để trả thù anh em nhà Mai S1, M. Về vấn đề C khai nhận khi thấy nhóm Đ đánh nhau với anh em nhà Mai T6 thì C chỉ đứng quan sát chứ không hành động gì, Hội đồng xét xử, xét thấy: Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo Đ là anh em thân thiết với C, bị cáo N1 là cháu ruột của C, bị cáo H3 đều có lời khai, khẳng định: C có hành vi lớn tiếng chửi bới và có hành vi lấy cây rìu bị cáo T4 đang cầm, đi vào trong sân lớn tiếng chửi bới anh em nhà T6, S1.

Từ những phân tích, nhận đinh nêu trên cho thấy, xuất phát từ mâu thuẫn giữa bị cáo Nguyễn Minh C và Mai S1, khoảng 17 giờ 00 phút ngày 16/8/2023, tại thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận, các bị cáo: Nguyễn Minh C, Trần Như Đ, Trần Gia B, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh B1, Trần Thanh T4, Phan Nhật H3, Nguyễn Văn N2 đã tập trung thành nhóm đông người, mang theo hung khí gồm kiếm tự tạo, dao tự tạo, rìu, di chuyển trên đoạn đường trong khu dân cư đông người, sau đó đi đến nhà anh em Mai T6, Mai S1, Mai K ở cùng thôn H, khu vực nhiều người dân sinh sống lại gần chợ, nhà ga, điểm tránh giao nhau giữa đường sắt và đường bộ thực hiện các hành vi la hét, chửi bới, dùng đá ném, dùng hung khí đánh người, dẫn đến ùn ứ xe tạm thời tại khu vực, gây mất trật tự công cộng, hoang mang, lo sợ cho người dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an

ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi vi phạm của các bị cáo Nguyễn Minh C, Trần Như Đ, Trần Gia B, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh B1, Trần Thanh T4, Phan Nhật H3, Nguyễn Văn N2 đã phạm vào tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quy tắc trật tự ở những nơi công cộng, khu dân cư. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ban ngày, tại khu vực nhiều người dân sinh sống, gần chợ, nhà ga, điểm tránh giao nhau giữa đường sắt và đường bộ. Khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đã có rất đông người dân xung quanh chứng kiến, các bị cáo cầm hung khí gây rối trật tự công cộng, gây hoang mang, lo sợ cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của địa phương.

Hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo không phân công vai trò hay thỏa thuận trước về cách thức thực hiện tội phạm mà các bị cáo đã tiếp nhận ý chí, mục đích của nhau, cùng nhau cố ý thực hiện chung tội phạm. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm tương ứng với vai trò đồng phạm của mình. Bị cáo Nguyễn Minh C vừa là người khởi xướng vừa là người thực hành, đã rủ rê và trực tiếp tham gia dùng hung khí cùng đồng phạm hò hét, đe dọa, chửi bới tại nhà M. Vì vậy, C phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Bị cáo Trần Như Đ tham gia với vai trò giúp sức, thực hành tích cực, rủ rê người khác, cung cấp hung khí cho các đồng phạm khác, đi cùng các đồng phạm từ kho nhà bị cáo C, N1 đến nhà T6 ngay từ đầu, hò hét, chửi bới, trực tiếp cầm hung khí chém anh T6. Vì vậy, vai trò của bị cáo Đ đứng sau bị cáo C. Bị cáo Trần Gia B tham gia với vai trò giúp sức, thực hành tích cực, đi cùng các đồng phạm khác mang theo hung khí từ kho của bị cáo C, N1 đến nhà T6 hò hét, chửi bới, bị cáo Trần Gia B còn trực tiếp dùng đá ném Mai T6. Do đó, bị cáo Trần Gia B phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo C và Đ. Bị cáo Nguyễn Thành N1, Trần Thanh B1, Trần Thanh T4, Phan Nhật H3, Nguyễn Văn N2 tham gia với vai trò giúp sức, thực hành, người cầm hung khí, người điều khiển xe chở đồng phạm khác đến nhà T6 tạo thành số đông, hỗ trợ các đồng phạm để đánh anh em nhà Mai S1, Mai T6, Mai K, do vậy, các bị cáo chịu trách nhiệm hình sự nhưng ở mức độ thấp hơn.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt: Các bị cáo Nguyễn Thành N1, Trần Gia B, Trần Thanh B1, Trần Thanh T4, Phan Nhật H3 không có tiền án, tiền sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật lần nào.

Các bị cáo Trần Như Đ, Trần Gia B, Trần Thanh T4, Trần Thanh B1, Nguyễn Thành N1, Phan Nhật H3, Nguyễn Văn N2 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh C, trước khi vụ án xảy ra, ngày 17/6/2005, C bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử tuyên phạt 16 năm tù về các tội "Cướp

tài sản", "Cố ý làm hư hỏng tài sản", "Cố ý gây thương tích", "Chống người thi hành công vụ" theo quy định tại các Điều 133, 143, 104, 257 Bộ luật Hình sự năm 1999; đến ngày 30/9/2017 C đã chấp hành xong tù nhưng đến nay chưa được xóa án tích vì chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Như Đ, Trần Gia B, Trần Thanh T4, Trần Thanh B1, Nguyễn Thành N1, Phan Nhật H3, Nguyễn Văn N2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Thanh T4, Phan Nhật H3 khi thực hiện hành vi phạm tội là người đủ 16 nhưng chưa đủ 18 tuổi nên Trần Thanh T4 và Phan Nhật H3 được áp dụng Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn N2 đang chấp hành Bản án hình sự số 54/2024/HS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, xử phạt Nguyễn Văn N2 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo N2.

Xét toàn diện nội dung vụ án, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xem thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và giáo dục, phòng ngừa chung.

[5] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều xác định: 01 chiếc rìu, 01 cây kiếm tự tạo, 01 dao tự tạo là của Đ được để tại kho, trong nhà nơi bị cáo C và N1 ở, các bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Cục đá là do bị cáo Trần Gia B nhặt trước sân nhà T6, S1, bị cáo B đã dùng để ném Mai T6 nhưng không trúng người T6 mà trúng cửa bếp và rơi xuống nền nhà. Xét thấy, đây là công cụ mà các bị cáo dùng để phạm tội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 01 cục đá (kích thước: 16 x 10 x 5cm); 01 chiếc rìu (cán gỗ dài 44cm, lưỡi rìu bằng kim loại dài 17cm, rộng 13cm), 01 cây kiếm tự tạo (dài 97cm, lưỡi bằng kim loại dài 70cm, rộng 03cm, cán bọc bằng dây dù dài 27cm, rộng 04cm; vỏ kiếm (màu đen, bằng gỗ dài 74cm, rộng 05cm); 01 con dao tự tạo bằng kim loại (dài 48cm, lưỡi dao bằng sắt dài 33cm, rộng 06cm, cán dao bằng ống típ kim loại dài 15cm, đường kính 03cm).

Trong quá trình điều tra xác định: Chiếc xe môtô BKS 53X2-4410 là của anh Phan Hữu H6, xe mô tô BKS 86B2-662.10 là của bà Minh Thị T3. Anh H6 và bà T3 không biết việc bị cáo H3, bị cáo T4 sử dụng các xe mô tô trên làm phương tiện tham gia đi đánh nhau, gây rối trật tự công cộng nên Cơ quan điều tra hình sự khu vực 2 Quân chủng Hải quân đã trả lại cho anh H6 và bà T3. Việc trả lại các đồ vật trên là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi của Mai T6 trong vụ án này: Xuất phát từ việc gia đình Mai T6 bị nhóm các bị cáo đến nhà gây sự trước nên Mai T6 đã sử dụng hung khí để chống trả hành vi gây rối của các bị cáo tại khu vực sân nhà mình, không có hành vi đuổi đánh ra ngoài, chưa gây ảnh hưởng đến người xung quanh và không ai bị thương tích gì nên hành vi của Mai T6 không cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng", "Cố ý gây thương tích" hoặc tội phạm khác.

Đối với hành vi của Mai S1 đánh nhau với bị cáo C trong vụ án này: Do bị C chủ động gây sự và đánh trước nên S1 đã dùng tay không đánh nhau với C, việc đánh nhau diễn ra nhanh và không ai bị thương tích. Do đó, hành vi của C và S1 không cấu thành tội "Cố ý gây thương tích".

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Minh C, Trần Như Đ, Trần Gia B, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh B1, Trần Thanh T4, Phan Nhật H3, Nguyễn Văn N2 phải chịu mỗi bị cáo 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh C, Trần Như Đ, Trần Gia B, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh B1, Trần Thanh T4, Phan Nhật H3, Nguyễn Văn N2 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 15/5/2025.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Trần Như Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 18/10/2024.

Bị cáo Trần Gia B 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 18/10/2024.

Bị cáo Nguyễn Thành N1 02 (hai) năm tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 18/10/2024.

Bị cáo Trần Thanh B1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 18/10/2024.

Bị cáo Nguyễn Văn N2 02 (hai) năm tù, áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù theo Bản án số 54/2024/HS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, bị cáo Nguyễn Văn N2 phải chấp hành hình phạt chung cho 02 bản án là 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/11/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Trần Thanh T4 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 18/10/2024.

Bị cáo Phan Nhật H3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 01 (một) cục đá, 01 (một) chiếc rìu, 01 (một) cây kiếm tự tạo, kèm vỏ kiếm; 01 (một) con dao tự tạo bằng kim loại.

(Các vật chứng này hiện đang được bảo quản tại Phòng Thi hành án Quân chủng Hải quân).

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Nguyễn Minh C, Trần Như Đ, Trần Gia B, Nguyễn Thành N1, Trần Thanh B1, Trần Thanh T4, Phan Nhật H3 và Nguyễn Văn N2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/5/2025) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân chủng Hải quân./.

Nơi nhận:
- TAQS TW;
- TAQS QCHQ;
- VKSQS QCHQ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng THAQCHQ;
- VKSQSKV2 QCHQ;
- CQĐTHSKV2 QCHQ;
- CQTHAHS;
- Trại Tạm giam H85/QK K
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu THAHS;

2// Phạm Thị Thanh Thủy